

Số: /ĐA-CĐBK

Bắc Kạn, ngày tháng 4 năm 2024

ĐỀ ÁN
Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành
Giáo dục mầm non năm 2024**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên trường: Cao đẳng Bắc Kạn.
- Tên tiếng anh: Bắc Kạn College.
- Mã trường: C11.
- Địa chỉ các trụ sở:

STT	Cơ sở đào tạo	Loại trường	Địa điểm
1	Trụ sở chính	Công lập	Tổ 9, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
2	Cơ sở đào tạo		Tổ 17, phường Sông cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

5. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: <http://cdbk.edu.vn>.

6. Địa chỉ trang mạng xã hội của trường:

<https://www.facebook.com/Trường Cao đẳng Bắc Kạn>

7. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0973074856, 0987157289, 0984772666

8. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (*thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất*)

8.1. Năm tốt nghiệp 2022 (tuyển sinh năm 2019)

Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm (%)	
		ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Giáo dục Mầm non	Cao đẳng		90		22		21		21
Tổng			90		22		21		21

8.2. Năm tốt nghiệp 2023 (tuyển sinh 2020)

Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm (%)	
		ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Giáo dục Mầm non	Cao đẳng		77		13		12		5
Tổng			77		13		12		5

9. Thông tin tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

<http://cdbk.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-trinh-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non>

9.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	2022		x		
2	2023		x		

9.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Lĩnh vực/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2022			Năm tuyển sinh 2023		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Giáo dục Mầm non	40	27	17 (Điểm TN THPT) 19.5 (Điểm học bạ)	40	38	17 (Điểm TN THPT) 19 (Điểm học bạ)
Tổng	40	27	x	40	38	x

10. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo: <http://cdbk.edu.vn/category/tuyen-sinh/thongbao/>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Giáo dục Mầm non	51140201	6530/QĐ-BGD&ĐT – ĐH & SĐH	20/11/2003	145/QĐ-BGDĐT	07/01/2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2004	2022

11. Điều kiện đảm bảo chất lượng (*phụ lục số 01 đính kèm*)

12. Đường link công khai đề án tuyển sinh, quy chế tuyển sinh:

<http://cdbk.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-trinh-do-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

2.1. Tuyển sinh chính quy trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (không bao gồm liên thông chính quy từ trung cấp lên cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non)

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài, được công nhận trình độ tương đương.

- Điều kiện dự tuyển:

+ Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định tại điều 9 Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, ban hành kèm theo thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

+ Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

+ Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian thi hành kỉ luật.

2.1.2. Phạm vi tuyển sinh: Thí sinh có hộ khẩu tại tỉnh Bắc Kạn.

2.1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Trường Cao đẳng Bắc Kạn lựa chọn 02 phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT: Thí sinh phải đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT công bố năm 2024 cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập năm lớp 12 của chương trình giáo dục THPT đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương: Xét tuyển thí sinh dựa vào kết quả học tập cấp THPT (Tổng điểm của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển theo kết quả học tập cả năm lớp 12). Cụ thể như sau:

- Tiêu chí xét tuyển: Dựa trên 2 tiêu chí:

+ Tiêu chí 1: Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

+ Tiêu chí 2: Học lực cả năm lớp 12 từ Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên.

2.1.4. Xác định thí sinh trúng tuyển:

- [Điểm xét tuyển] = [Tổng điểm 3 môn học theo tổ hợp xét tuyển theo kết quả học tập cả năm lớp 12] + [Điểm ưu tiên (nếu có)].

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 điểm trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

+ Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$ quy định tại khoản 1, 2 Điều 7, thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

+ Mức điểm ưu tiên theo khu vực (Khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; Khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên) và mức điểm ưu tiên theo nhóm đối tượng (UT1 là 2,0 điểm (gồm các đối tượng từ 01 đến 04), UT2 là 1,0 điểm (gồm các đối tượng 05 đến 07) thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thực hiện theo thông tư 08/2022/TT- BGDĐT

2.1.5. Nguyên tắc định điểm trúng tuyển:

- Đảm bảo các tiêu chí của mục 1.3.1; 1.3.2; 1.3.3 nêu trên. Lấy điểm trúng tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

- Khi có nhiều thí sinh ở cuối danh sách bằng điểm nhau thì sẽ xét ưu tiên theo thứ tự sau:

- (1) Thí sinh có điểm ưu tiên cao hơn;
- (2) Thí sinh có điểm xét tốt nghiệp cao hơn;
- (3) Thí sinh là người dân tộc thiểu số;
- (4) Thí sinh có điểm xếp loại học tập lớp 12 cao hơn;
- (5) Thí sinh có điểm môn chính cao hơn;
- (6) Các trường hợp khác: Do HĐTS quyết định.

2.1.6. Chỉ tiêu tuyển sinh:

**CHỈ TIÊU TUYỂN SINH THEO NGÀNH/NHÓM NGÀNH, THEO TỪNG PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phươn g thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Cao đẳng	51140201	Giáo dục mầm non	100	Xét kết quả thi tốt nghệ	40	C00 Ngữ văn Lịch sử Địa lý	Ngữ văn	C04 Ngữ văn Toán Địa lý	Ngữ văn	C20 Ngữ Văn, Địa lý, GDCD	Ngữ văn	C19 Ngữ văn Lịch sử GDCD	Ngữ văn

2	Cao đẳng	51140201	Giáo dục mầm non	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	40	C00 Ngữ văn Lịch sử Địa lý	Ngữ văn	C04 Ngữ văn Toán Địa lý	Ngữ văn	C20 Ngữ Văn, Địa lý, GD&ĐT	Ngữ văn	C19 Ngữ văn Lịch sử GD&ĐT	Ngữ văn
---	-------------	----------	---------------------------	-----	---	----	-------------------------------------	---------	-------------------------------------	---------	--	------------	--	---------

2.1.7. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2 Điều 9, thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.1.8. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào ngành Giáo dục Mầm non của trường:

Mã số trường	Mã số ngành	Tổ hợp xét tuyển	Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp	Các điều kiện phụ trong xét tuyển
C11	51140201	1. Toán, Ngữ văn, Địa lý 2. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý 3. Ngữ văn, Lịch sử, GDCD 4. Ngữ văn, Địa lý, GDCD	Không	Không

2.1.9. Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian tuyển sinh: Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian thu nhận hồ sơ:

+ Đợt 1: Từ 07/7/2023- 30/9/2023

+ Đợt 2: Từ 01/10/2023- 31/10/2023 (nếu trường còn thiếu chỉ tiêu)

+ Đợt 3: Từ 01/11/2023- 20/12/2023 (nếu trường còn thiếu chỉ tiêu)

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:

+ Hình thức 1: Nộp trực tiếp tại phòng Đào tạo - Trường Cao đẳng Bắc Kạn.

+ Hình thức 2: Gửi chuyển phát nhanh qua đường Bưu điện.

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Tổ 9, phường Phùng Chí Kiên, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Điện thoại: 0973074856, 0987157289, 0984772666

- Tổ hợp môn xét tuyển: 4 tổ hợp (theo mục 2.1.6 đề án này).

- Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển: Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển cần đảm bảo đủ điều kiện xét tuyển (Quy định tại phần II, mục 1.1 Đề án này), đúng thời gian theo quy định và đầy đủ thành phần hồ sơ xét tuyển như sau:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu tại phụ lục 02 kèm theo);

+ Bản sao hợp lệ (bản sao công chứng) Học bạ THPT/GDTH cấp THPT;

+ Bản sao hợp lệ Bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023);

+ Bản sao hợp lệ Giấy khai sinh;

+ Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

2.1.10. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển: Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

2.1.11. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

- Đợt 1: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Đợt bổ sung: 30.000đ/thí sinh

2.1.12. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm theo các quy định hiện hành của nhà nước và của nhà trường.

2.1.13. Tài chính:

- Tổng nguồn hợp pháp/năm của trường: 31.453.000. 000 đồng

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 5.460.000đ (Tổng chi phí từ học phí trung bình 1 sinh viên/năm).

2.1.14. Các nội dung khác: Do HĐTS quyết định theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT.

2.1.15. Việc CSĐT thực hiện cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong trường hợp rủi ro.

Trường Cao đẳng Bắc Kạn cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong trường hợp rủi ro.

2. Tuyển sinh đào tạo cao đẳng chính quy đối với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên: Không có

III. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển tại trường Cao đẳng Bắc Kạn

- Địa chỉ nhận ĐKXT: Phòng Đào tạo, trường Cao đẳng Bắc Kạn- Tô 9, Phường Phùng Chí Kiên, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn. Số điện thoại: 0973074856, 0987157289, 0984772666

- Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

ST T	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Lê Thị Tuyết	Phó Trưởng phòng Đào tạo	0973074856	tuyetlt.cdbk@backan.gov.vn
2	Hoàng T Thúy Diệu	Cán bộ tuyển sinh	0984772666	dieuhtt.cdbk@backan.gov.vn

Cán bộ kê khai

Họ và tên: Hoàng Thị Thúy Diệu

Số điện thoại: 0984772666

Email: dieuhtt.cdbk@backan.gov.vn

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH-Bộ GDĐT (b/c);
- UBND Tỉnh Bắc Kạn (b/c);
- Sở GD&ĐT Bắc Kạn (b/c);
- Các trường THPT trên địa bàn Tỉnh (p/h);
- Ban Giám hiệu;
- Các Phòng, khoa;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT (Diệu, Tuyết).

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Chu Thị Thủy

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Đề án Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non năm 2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn)

1. Quy mô đào tạo chính quy đến ngày 31/12/2022 (người học)

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô đào tạo	Tổng
I	Chính quy	120	86
	Cao đẳng ngành GDMN	120	86
1	Chính quy	120	86
2	Liên thông từ TC lên CĐ	0	0
3	Đào tạo trình độ CĐ đối với người đã có bằng CĐ	0	0
II	Vừa làm vừa học	0	0
	Cao đẳng ngành GDMN	0	0
1	Vừa làm vừa học	0	0
2	Liên thông từ TC lên CĐ	0	0
3	Đào tạo trình độ CĐ đối với người đã có bằng CĐ	0	0

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: 4.1ha
- Chỗ ở ký túc xá sinh viên: 280 chỗ, phòng ở khép kín.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 140,5 m²/sinh viên.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)

1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	26	2450
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	700
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	0	0
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	6	500
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	6	300
1.5	Số phòng học đa phương tiện	8	800
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	4	150
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	985
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	2	500
Tổng		29	3935

3. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian

TT	Họ và tên	Chức danh KH	Trình độ CM	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
1	Bùi Thị Thu Hồng		Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	GDMN
2	Chu Thị Thủy		Thạc sĩ	Văn học	GDMN
3	Dương Thị Tuyết		Thạc sĩ	GDMN	GDMN
4	Hà Quốc Hùng		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	GDMN
5	Hà Thị Bích Ngọc		Thạc sĩ	Giáo dục học	GDMN
6	Hà Thị Hường		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GDMN
7	Hoàng Thị Quỳnh		Thạc sĩ	GDMN	GDMN
8	Hoàng Thị Thuý Diệu		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	GDMN
9	Vũ Thị Hồng Lê		Thạc sĩ	Kinh tế	GDMN
10	Hứa Văn Tùng		Đại học	Tin học	GDMN

11	Lê Thị Hiền		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GDMN
12	Lương Thị Như Quỳnh		Thạc sĩ	GDMN	GDMN
13	Lưu Quỳnh Dương		Đại học	SP Giáo dục thể chất	GDMN
14	Ma Thị Ngọc		Thạc sĩ	Lịch sử	GDMN
15	Ngô Đăng Thanh		Thạc sĩ	Tiếng Anh	GDMN
16	Trần Thị Thùy Trang		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học Tiếng Anh	GDMN
17	Nguyễn Thị Nương		Thạc sĩ	GDMN	GDMN
18	Nguyễn Văn Biện		Thạc sĩ	Luật học	GDMN
19	Phan Thị Nguyệt Anh		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	GDMN
20	Trần Thị Lan		Đại học	Âm nhạc	GDMN

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu ngành GDMN

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh KH	Trình độ CM	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
1	Trần Ngọc Kiên	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Kạn		Đại học	Mỹ thuật	GDMN

4. Các thông tin khác

Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp trí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1	Nhóm ngành I: Đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	2.589 đầu sách 14.740 cuốn

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG HỆ
CHÍNH QUY NĂM 2023**

Kính gửi: **Hội đồng tuyển sinh Trường Cao đẳng Bắc Kạn**

1. Số phiếu (thí sinh không ghi mục này):
2. Đăng ký đợt xét tuyển (thí sinh ghi rõ đợt xét tuyển):
.....
3. Họ và tên (chữ in hoa có dấu):
4. Giới tính (nữ ghi 1, nam ghi 0):
5. Ngày sinh (ngày, tháng, 2 số cuối năm, nếu ngày tháng nhỏ hơn mười ghi số 0 ở đầu ô):
..... Ngày Tháng Năm
6. Dân tộc:
7. Số chứng minh nhân dân:
8. Hộ khẩu thường trú:
..... Mã tỉnh :Mã huyện:
9. Địa chỉ báo tin kết quả xét tuyển:

10. Điện thoại liên lạc:

..Email:

11. Khu vực và đối tượng ưu tiên (khoanh tròn và điền khu vực, đối tượng ưu tiên vào các ô)

Khu vực: **KV1, KV2-NT, KV2, KV3.**

Đối tượng ưu tiên: **01, 02, 03, 04, 05, 06, 07.**

12. Nơi học THPT hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, điền mã trường vào các ô) Năm lớp 10:

Năm lớp 11:

Năm lớp 12:

Mã tỉnh Mã huyện

13. Nguyên vọng, mã ngành, tổ hợp môn dùng xét tuyển các ngành theo thứ tự

Nguyên vọng	Tên ngành	Mã ngành	Điểm trung bình môn lớp 12 (cả năm)					
			Môn 1		Môn 2		Môn 3	
			Tên môn	Điểm	Tên môn	Điểm	Tên môn	Điểm
NV1								
NV2								

(Chú ý: Thí sinh ghi rõ tên môn trong tổ hợp môn dùng để xét tuyển theo thông tin tuyển sinh của trường)

Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo các quy định hiện hành.

....., ngày tháng năm 2024

Thí sinh đăng ký